

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2023/DS-PT

Ngày 21-09-2023

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà E, đường C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; địa chỉ: số nhà A, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm 1969 và ông Phan Văn T, sinh năm 1966; nơi thường trú: số nhà B, đường TA.16, khu phố B, phường T, Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số nhà C, đường Q, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, ông T: Ông Phan Văn V, sinh năm 1957; địa chỉ: số nhà D, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2023) (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 24/3/2020, bà H cho bà Đ vay số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) để kinh doanh, không có lãi suất và thời hạn trả là tháng 12/2020. Bà Đ có viết “Biên nhận” vào ngày 24/3/2020 cho bà H.

Đến ngày 02/11/2020, ông T (chồng bà Đ) có viết giấy xác nhận bà Đ nợ 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng). Lý do ông T xác nhận nợ 9.000.000.000 đồng vì ngoài khoản nợ 4.000.000.000 đồng mà bà H đang khởi kiện ở vụ án này thì bà Đ và ông T còn nợ con của bà H (chị Huỳnh Thị Mỹ T1) số tiền 5.000.000.000 đồng và chị T1 đang khởi kiện bà Đ, ông T ở vụ án khác thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 06/01/2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

Khi đến hạn, bà Đ và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà H yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà Đ và ông T vẫn không thực hiện. Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà Đ và ông T trả số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Bà Đ thừa nhận ngày 24/3/2020, bà Đ có vay của bà H số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), bà Đ có viết giấy nợ cho bà H. Khi vay, hai bên không có thỏa thuận lãi suất và có thỏa thuận thời hạn trả là tháng 12/2020. Mục đích bà Đ vay tiền của bà H để kinh doanh Công ty TNHH T2 do bà Đ làm chủ nên khoản nợ 4.000.000.000 đồng không có liên quan đến chồng bà là ông T. Nay bà Đ đồng ý trả số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) cho bà H.

**** Đối với bị đơn ông Phan Văn T:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho ông T nhưng ông T không có trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/3/2023, ông T có Đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: Việc làm ăn kinh doanh và vay mượn chỉ có vợ ông là bà Lê Thị Anh Đ biết và lo liệu, ông chỉ ở nhà chăm sóc đứa con bị bệnh từ bé.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 14 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H đối với bà Lê Thị Anh Đ và ông Phan Văn T.

Buộc bà Lê Thị Anh Đ và ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị H số tiền 4.000.000.000 (bốn tỉ) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-07-2023 và ngày 31-07-2023, bà Lê Thị Anh Đ, ông Phan Văn T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của ông T, bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng: Bà Đ thừa nhận còn nợ bà H số tiền 4.000.000.000 đồng theo giấy “Biên nhận” ngày 24-3-2020. Vợ chồng ông T, bà Đ cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của bà Đ.

Xét thấy, Biên nhận ngày 24-3-2020 chỉ có chữ ký của bà Đ là bên vay, tuy nhiên, bà Đ, ông T đều thừa nhận mục đích vay để kinh doanh. Ngày 02-11-2020, ông T viết giấy xác nhận nợ với bà H tổng số tiền 9.000.000.000 đồng

(trong đó nợ chị T1 con bà H đã khởi kiện ở vụ án khác với số tiền 5.000.000.000 đồng). Việc ông T ký giấy xác nhận nợ là cơ sở xác định ông T biết khoản nợ của bà Đ đối với bà H.

Mặt khác, khoản nợ này vợ chồng ông T bà Đ đều thừa nhận vay để bổ sung vốn kinh doanh vào doanh nghiệp do bà Đ làm chủ; toàn bộ chi phí phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của vợ chồng bà Đ để đều lấy từ nguồn thu nhập từ việc kinh doanh của bà Đ; ông H chỉ ở nhà chăm sóc con bị bệnh, không có thu nhập. Khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Đ và ông H.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ cho rằng số tiền vay của bà H dùng để bổ sung vốn kinh doanh Công ty do bà Đ làm chủ nên đây là nợ của Công ty nhưng bà Đ không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh khoản nợ trên là nợ của công ty, giấy nợ thể hiện bà Đ ký tên với tư cách cá nhân bà Đ. Cấp sơ thẩm buộc ông T chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả cho bà H số tiền 04 tỉ đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm dân sự do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H đối với bà Lê Thị Anh Đ và ông Phan Văn T.

Buộc bà Lê Thị Anh Đ và ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị H số tiền 4.000.000.000 (bốn tỉ) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Anh Đ và ông Phan Văn T phải chịu 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn T, bà Lê Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp

300.000 đồng tại biên lai số 0021785 ngày 04-8-2023 của Chi cục Thi hành án thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm dân sự.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TA TTN;
- TAND tx. Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx. Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai